

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1163/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 932/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1979

Căn cước công dân: \*\*\*\*\*

Địa chỉ cư trú: 15 Khu phố G, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1977

Căn cước công dân: \*\*\*\*\*

Địa chỉ cư trú: 15 Khu phố G, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Cẩm N và ông Nguyễn Hồng K cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Bà Trần Thị Cẩm N và ông Nguyễn Hồng K có địa chỉ cư trú tại phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp

ngày 16/02/2005 thì bà Trần Thị Cẩm N và ông Nguyễn Hồng K là vợ chồng hợp pháp. Nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Cẩm N và ông Nguyễn Hồng K nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm N và ông Nguyễn Hồng K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 24/11/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Trường hợp, ông Nguyễn Hồng K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:**

Lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận ly hôn là 300.000 đồng do bà N, ông K phải nộp nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà N, ông K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028415 ngày 7/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 - Tp.HCM;
- UBND phường Đ H T, Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyền số 01/2005 do UBND phường Đ H T, Quận 12 cũ cấp ngày 16/02/2005);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký tên và đóng dấu)**

**Trần Thị Hồng Út**